

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /2024/QĐ-UBND

Long An, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và hạn mức giao đất tôn giáo trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7523/TTr-STNMT ngày 09/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và hạn mức giao đất tôn giáo trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An tổ chức triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30/10/2024 và thay thế Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường và thành phố Tân An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- các Phòng: THKSTTHC, KTTC, VHXH; Ban NCTCD;
- Lưu: VT(NC-TCD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và hạn mức giao đất tôn giáo trên địa bàn tỉnh Long An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể:

- Hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị, tại nông thôn.
- Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.
- Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp thừa đất được hình thành trước ngày 18/12/1980 và từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993.
- Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp do tự khai hoang.
- Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp cho cá nhân.
- Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh.
- Không áp dụng hạn mức giao đất ở mới đối với các dự án đầu tư; các trường hợp được Nhà nước giao đất ở theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý đất đai.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh.
- Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II**HẠN MỨC GIAO ĐẤT, CÔNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở, ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG; HẠN MỨC NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ HẠN MỨC GIAO ĐẤT TÔN GIÁO****Điều 3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị và nông thôn**

1. Hạn mức giao đất ở tại đô thị cho mỗi cá nhân tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc huyện là không quá 200 m².

2. Hạn mức giao đất ở tại nông thôn cho mỗi cá nhân tại các xã thuộc thành phố Tân An là không quá 250 m².

3. Hạn mức giao đất ở tại nông thôn cho mỗi cá nhân tại các xã thuộc thị xã Kiến Tường và các huyện: Đức Hòa, Tân Trụ, Châu Thành, Cần Đước, Cần Giuộc, Bến Lức và Thủ Thừa là không quá 300 m².

4. Hạn mức giao đất ở tại nông thôn cho mỗi cá nhân tại các xã thuộc các huyện Đức Huệ, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng và Tân Hưng là không quá 400 m².

Điều 4. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản

1. Đối với các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc huyện:

a) Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không quá 01 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 05 ha.

c) Hạn mức giao đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng: đối với các địa phương theo quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có rừng phòng hộ, rừng sản xuất thì hạn mức giao đất là không quá 10 ha đối với mỗi loại đất.

d) Cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất không quá 02 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 02 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất là không quá 5 ha.

2. Đối với các xã thuộc thành phố Tân An:

a) Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không quá 02 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 06 ha.

c) Cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất không quá 03 ha; trường hợp

được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 03 ha.

3. Đối với các xã thuộc thị xã Kiến Tường và các huyện: Đức Hòa, Tân Trụ, Châu Thành, Cần Đước, Cần Giuộc, Bến Lức và Thủ Thừa:

a) Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không quá 3 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 8 ha.

c) Hạn mức giao đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng: đối với các địa phương theo quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có rừng phòng hộ, rừng sản xuất thì hạn mức giao đất là không quá 25 ha đối với mỗi loại đất.

d) Cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất không quá 04 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 04 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 20 ha.

4. Đối với các xã thuộc các huyện Đức Huệ, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng và Tân Hưng.

a) Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không quá 03 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 10 ha.

c) Hạn mức giao đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng cho cá nhân: đối với các địa phương theo quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có rừng phòng hộ, rừng sản xuất thì hạn mức giao đất là không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.

d) Cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 25 ha.

Điều 5. Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp thừa đất được hình thành trước ngày 18/12/1980 và từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993

1. Tại các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc huyện là không quá 200 m².

2. Tại các xã thuộc thành phố Tân An là không quá 250 m².

3. Tại các xã thuộc thị xã Kiến Tường và các huyện: Đức Hòa, Tân Trụ, Châu Thành, Cần Đước, Cần Giuộc, Bến Lức và Thủ Thừa là không quá 300 m².

4. Tại các xã thuộc các huyện: Đức Huệ, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng và Tân Hưng là không quá 400 m².

Điều 6. Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp do tự khai hoang

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Trường hợp diện tích đang sử dụng vượt hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp do tự khai hoang theo quy định tại khoản 1 Điều này thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.

Điều 7. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp cho cá nhân

1. Đối với các phường thuộc thị xã, thành phố và thị trấn thuộc huyện:

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 5 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất, cụ thể như sau:

a) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản là không quá 15 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 50 ha.

c) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng cho cá nhân là không quá 150 ha đối với mỗi loại đất.

2. Đối với các xã thuộc thành phố Tân An:

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 8 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất, cụ thể như sau:

a) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản là không quá 24 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 80 ha.

c) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng cho cá nhân là không quá 240 ha đối với mỗi loại đất.

3. Đối với các xã thuộc thị xã Kiến Tường và các huyện: Đức Hòa, Tân Trụ, Châu Thành, Cần Đức, Cần Giuộc, Bến Lức và Thủ Thừa.

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất, cụ thể như sau:

a) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản là không quá 30 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 100 ha.

c) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng cho cá nhân là không quá 300 ha đối với mỗi loại đất.

4. Đối với các xã thuộc các huyện Đức Huệ, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng và Tân Hưng.

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất, cụ thể như sau:

a) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản là không quá 45 ha cho mỗi loại đất.

b) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm cho cá nhân là không quá 150 ha.

c) Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng cho cá nhân là không quá 450 ha đối với mỗi loại đất.

Điều 8. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh

1. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không vượt quá 10.000 m².

2. Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc cơ sở tôn giáo được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nếu có nhu cầu sử dụng đất lớn hơn diện tích quy định tại khoản 1 Điều này để phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở tôn giáo đó thì căn cứ theo quỹ đất của địa phương, quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hạn mức giao đất cho từng trường hợp cụ thể.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở; ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tại các địa phương.

2. Các sở, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

3. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn kịp thời và đúng quy định.

4. UBND cấp xã chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến những nội dung của Quy định này đến tận người sử dụng đất, tổ chức thực hiện trên địa bàn kịp thời và đúng quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi chính sách liên quan của Nhà nước hoặc có vướng mắc phát sinh, các địa phương, đơn vị báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)

Nguyễn Minh Lâm